TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM THUỶ** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/DS-ST
Ngày: 19/03/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THUỶ, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh B; ông Nguyễn Hữu Th.

- Thư ký phiên toà: Bà Triệu Thị Yên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thuỷ, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số: 30/2024/TLST-DS, ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Triệu Thị L, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã C Ch, huyện CT, tỉnh TH; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Đình Ch, sinh năm 1980 và chị Phùng Thị Ch sinh năm 1981; cùng địa chỉ: Thôn Phú Sơn, xã C Ch, huyện CT, tỉnh TH; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Triệu Thị L trình bày:

Bà và chị Phùng Thị Ch anh Trịnh Đình Ch là anh em với nhau. Do cần tiền để mua bán gà nên vào ngày 10/9/2022 vợ chồng anh Ch, chị Chung có đến nhà bà hỏi vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm (từ ngày 10/9/2022 đến ngày 10/9/2023), lãi suất thỏa thuận bằng miệng 01%/tháng. Ngày 23/9/2022 anh Ch có đến nhà hỏi vay thêm số tiền 35.000.000 đồng, anh Ch có viết giấy vay tiền hẹn 30 ngày sau (từ ngày 23/9/2022 đến ngày 23/10/2022) anh Ch trả cho số tiền trên, nhưng từ khi vay đến nay anh Ch mới

trả được cho bà khoản tiền lãi đến tháng 09/2023 thì anh Ch ngưng không trả.

Nay bà khởi kiện yêu cầu anh Trịnh Đình Ch, chị Phùng Thị Chung cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 100.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/10/2024 cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, với lãi suất 1%/tháng đối với số tiền trên.

Ngày 15/01/2025, bà Triệu Thị L có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 35.000.000đ. Nay bà yêu cầu anh Ch, chị Chung có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc là 100.000.000đ; lãi xuất 1%/ tháng, tính từ tháng 10/2024 đến ngày xét xử.

Phía bị đơn anh Trịnh Đình Ch: Ngày 16/10/2024, anh Ch có đến Tòa án trình bày ý kiến: Anh xác nhận có vay của bà Triệu Thị L số tiền 100.000.000đ để làm ăn, anh có trả lãi cho bà L đầy đủ hàng tháng, tuy nhiên lãi bao nhiêu anh không nhớ, không có giấy tờ gì về việc trả lãi. Nay anh đã trả nhiều lãi rồi, nên không đồng ý trả gốc cho bà L nữa. Sau đó anh tự ý bỏ về không trình bày văn bản, không ký vào biên bản làm việc của Tòa án.

Chị Phùng Thị Chung trình bày: Thực tế chị có ký vào giấy vay nợ với bà Triệu Thị L số tiền 100.000.000 đồng, nhưng khoản vay này do anh Ch vay trước đó, chị không biết gì, anh Ch vay làm gì chị không biết. Do nể nang chỗ bà L nên chị với ký vào giấy vay nợ. Nay chị không chấp nhận yêu cầu trả nợ của bà L.

Tại phiên tòa,

- Bà Triệu Thị L rút phần yêu cầu về lãi xuất. Do anh Ch, chị Chung khó khăn nên chỉ yêu cầu trả 100.000.000 đồng tiền vay gốc cho bà.

- Bị đơn vắng mặt lần 2 không có ý kiến trình bày.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Bị đơn quá trình giải quyết và tại phiên tòa không có mặt, không trình bày ý kiến. Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp, lấy ý kiến của chị Chung đảm bảo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 280; Điều 351; Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147; Điều 227 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Triệu Thị L. Buộc anh Trịnh Đình Ch và chị Phùng Thị Chung có nghĩa vụ liên đới trả nợ số tiền 100.000.000đ cho bà Triệu Thị L. Chia phần mỗi người phải chịu trách nhiệm trả cho bà L 50.000.000đ. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 35.000.000đ và yêu cầu về lãi xuất. Buộc các bên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bà Triệu Thị L khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng vay tài sản với anh Trịnh Đình Ch và chị Phùng Thị Chung. Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Cẩm Thuỷ nên yêu cầu kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thuỷ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về việc giải quyết, xét xử vắng mặt đương sự:* Trong quá trình giải quyết vụ án anh Ch, chị Chung đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án làm việc, tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có L do. Do đó, Toà án xét xử vắng mặt anh Ch, chị Chung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[3]. *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 10/9/2022, tại thôn Phú Sơn do bà Triệu Thị L và anh Trịnh Đình Ch, chị Phùng Thị Chung ký và các tài liệu chứng cứ kèm theo, xác định. Việc bà Triệu Thị L có cho anh Trịnh Đình Ch và chị Phùng Thị Chung vay số tiền 100.000.000đ là đúng thực tế, giấy vay không thể hiện lãi xuất. Việc vay nợ giữa hai bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc, nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà L là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.1]. Về việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 35.000.000đ và phần yêu cầu lãi xuất. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà L là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 71; khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Bị đơn ông Trịnh Đình Ch có đến Tòa án làm việc nhưng không trình bày ý kiến bằng văn bản về yêu cầu của mình. Mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh Ch vẫn cố tình vắng mặt. Tại biên bản xác minh ngày 07/02/2025 xác định: Anh Trịnh Đình Ch có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại thôn Phú Sơn, Cẩm Châu, Cẩm Thủy, Thanh Hóa. Do đó, việc anh Ch cố tình vắng mặt là từ chối quyền trình bày, quyền yêu cầu của mình, vi phạm Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.3]. Chị Phùng Thị Chung thừa nhận có cùng anh Ch ký vào Giấy vay tiền với bà Triệu Thị L ngày 10/9/2022 vay số tiền 100.000.000đ. Xét thấy, việc chị Chung ký vào giấy vay tiền là hoàn toàn tự nguyện, chị Chung không đưa ra được bất cứ tài liệu chứng cứ nào chứng minh đây là khoản nợ riêng của anh Ch. Tại thời điểm ký giấy vay tiền, chị Chung và anh Ch đang là vợ chồng hợp pháp. Như vậy, chị đã thừa nhận khoản vay này là nợ chung của vợ chồng trong thời

kỳ hôn nhân. Do đó, buộc chị Chung phải có trách nhiệm liên đới với anh Ch trả nợ số tiền 100.000.000đ cho bà L là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.4]. Căn cứ vào Điều 351; Điều 418 Bộ luật dân sự, yêu cầu khởi kiện của bà L là có cơ sở và được chấp nhận. Buộc anh Ch, chị Chung phải có trách nhiệm liên đới trả tiền gốc cho bà L. Tuy nhiên, ngày 20/4/2023 anh Ch, chị Chung đã ly hôn, không còn là vợ chồng (Theo quyết định công nhận TTLH số 59/2023/QĐCNTTLH, ngày 20/4/2023 của TAND huyện Cẩm Thủy). Do đó, chia phần anh Ch có trách nhiệm trả nợ cho bà L số tiền 50.000.000đ; chị Chung có trách nhiệm trả nợ cho bà L số tiền 50.000.000đ.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 280; Điều 289; Điều 351; Điều 357; Điều 463, Điều 466, Điều 468; Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Triệu Thị L. Buộc anh Trịnh Đình Ch, chị Phùng Thị Chung phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà Triệu Thị L số tiền 100.000.000đ. Chia phần anh Ch có trách nhiệm trả nợ cho bà L số tiền 50.000.000đ; chị Chung có trách nhiệm trả nợ cho bà L số tiền 50.000.000đ.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 35.000.000đ và yêu cầu về lãi xuất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Trịnh Đình Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000đ; Buộc chị Phùng Thị Chung phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000đ.

Bà Triệu Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Triệu Thị L số tiền 3.375.000đ tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/24/0002633 ngày 26/9/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Cẩm Thuỷ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Cẩm Thuỷ;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS H. Cẩm Thuỷ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Dung